

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2020/DS-PT

Ngày 17 - 11 - 2020

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất;  
tài sản gắn liền đất; yêu cầu  
BTTH về tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hồ Đức Châm;

*Các Thẩm phán:* Ông Lê Xuân Sơn;  
Ông cao Đức Chiến.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Chu Thị Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:*** ông Lộc Văn Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 40/2020/TLPT-DS ngày 05 tháng 10 năm 2020 về việc: Tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất; yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2020/DS-ST ngày 30 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 74/2020/QĐ-PT ngày 29 tháng 10 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Chu Thị P; cư trú tại: Thôn C, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn bà Chu Thị P:* Bà Triệu Thị Kim L, Luật sư; công tác viên của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Lộc Kim M; cư trú tại: Thôn Bản R, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Lộc Kim M:* Bà Chu Bích T, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Hà Văn B, sinh năm 1967 (chồng bà P); vắng mặt.

2. Chị Hà Thị Y, sinh năm 1991 (con bà P); vắng mặt.

3. Chị Hà Thị N, sinh năm 1993 (con bà P); vắng mặt.
4. Chị Hà Thị H, sinh năm 1995 (con bà P); vắng mặt.
5. Anh Hà Văn T, sinh năm 1998 (con bà P); vắng mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông Hà Văn B, chị Hà Thị Y, Hà Thị N, chị Hà Thị H, anh Hà Văn T:* Bà Chu Thị P; cùng cư trú tại: Thôn C, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn (theo giấy ủy quyền ngày 27/12/2020); có mặt.

6. Ông Tô Viết T (tức C), sinh năm 1943, (bố đẻ ông M); vắng mặt.
7. Bà Nông Tuyết P, sinh năm 1976, (vợ ông M); vắng mặt.
8. Anh Lộc Văn T, sinh năm 2001, (con ông M); vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Thôn Bản R, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông Tô Viết T, bà Nông Tuyết P, anh Lộc Văn T:* Ông Lộc Kim M (theo giấy ủy quyền ngày 03/01/2020); có mặt.

9. Anh Lộc Văn N, sinh năm 2001, (con ông M); vắng mặt.
10. Ông Lã Văn B, sinh năm 1975; có mặt.
11. Bà Hà Thị V, sinh năm 1975; vắng mặt.
12. Anh Lã Văn T, sinh năm 1998; có mặt.
13. Anh Lã Văn T1, sinh năm 2000; vắng mặt.

14. Bà Hà Thị P, sinh năm 1946 (mẹ đẻ anh B); vắng mặt.

15. Chị Lã Thị H, sinh năm 1973 (em gái anh B); vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Thôn C, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

16. Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

*Người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân xã T, huyện C:* Ông Hoàng Văn V, chức vụ - Chủ tịch; có mặt.

*Người kháng cáo:* Ông Lộc Kim M là bị đơn.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo nội dung bản án dân sự sơ thẩm số 02/2020/DS-ST ngày 30 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn được tóm tắt như sau:

*Theo nguyên đơn bà Chu Thị P trình bày:* Nguồn gốc khu đất tranh chấp là do năm 1997, gia đình cụ Lã Văn P được Nhà nước giao quyền quản lý và sử dụng rừng đất trồng rừng diện tích 2,02 ha, tiểu khu 283, mảnh số 33 theo Quyết định 480/QĐ-UB, ngày 20/12/1997 của UBND huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Cũng trong năm đó, gia đình cụ Lã Văn P chuyển nhượng cho gia đình bà Chu Thị P toàn bộ diện tích đất trên (nay là thửa đất số 157, tờ bản đồ 01, bản đồ lâm nghiệp năm 2008); địa chỉ: Khu rừng Lọ N, thôn C, xã Thanh L, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Khi chuyển nhượng giữa gia đình bà Chu Thị P và gia đình cụ Lã Văn P chỉ thỏa thuận bằng miệng không lập giấy tờ.

Năm 2008, gia đình bà Chu Thị P đi phát rừng trồng cây thì mới biết ông Lộc Kim M trồng cây thông đã lớn. Bà Chu Thị P có nói với ông Lộc Kim M: Cây trồng đã lớn thì cho khai thác nhưng đất thuộc quyền quản lý của gia đình bà Chu Thị P.

Năm 2009, cụ Lã Văn P chết; ngày 03/10/2018, ông Lã Văn B (con trai cụ Lã Văn P) và bà Hà Thị V (vợ ông Lã Văn B), thay mặt gia đình viết giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Chu Thị P khu rừng trên. Từ khi chuyển nhượng

gia đình bà Chu Thị P vẫn quản lý, sử dụng thường xuyên tu bổ, trồng cây trên đất. Thửa đất này giáp ranh với đất của gia đình ông Lộc Kim M nên gia đình bà Chu Thị P và gia đình ông Lộc Kim M đã thỏa thuận theo đường phân thủy, nước chảy bên nào thì bên đó trồng cây. Tháng 9/2018, gia đình bà Chu Thị P đi phát rừng thì phát hiện ông Lộc Kim M chặt đi khoảng 30 cây bạch đàn và cạo nhựa những cây thông gia đình bà trồng. Đến tháng 11/2018, gia đình bà Chu Thị P trồng khoảng 7000 cây bạch đàn, tháng 6/2019 ông Lộc Kim M đã nhổ đi khoảng 70 cây bạch đàn dẫn đến hai bên xảy ra tranh chấp. Bà Chu Thị P khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Lộc Kim M trả lại toàn bộ diện tích đất tranh chấp 3.014m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa số 157 và thửa 166, theo kết quả xem xét thẩm định, định giá tài sản ngày 26/2/2020, về tài sản cây trồng trên đất bà Chu Thị P yêu cầu được khai thác, quản lý, sử dụng toàn bộ số cây trên đất; buộc ông Lộc Kim M bồi thường việc nhổ 290 cây bạch đàn với số tiền là 1.370.000đồng và chấm dứt việc tranh chấp đất và tài sản trên đất.

Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, bà Chu Thị P rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc ông Lộc Kim M trả lại 3.014m<sup>2</sup> đất và rút yêu cầu đòi bồi thường 290 cây bạch đàn với số tiền là 1.370.000đồng.

Yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà Chu Thị P được khai thác, quản lý, sử dụng toàn bộ cây trên đất và yêu cầu ông Lộc Kim M chấm dứt hành vi tranh chấp.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về phía nguyên đơn* ông Hà Văn B, chị Hà Thị Y, chị Hà Thị N, chị Hà Thị H và anh Hà Văn T: Nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà Chu Thị P và không có ý kiến khác.

*Bị đơn ông Lộc Kim M trình bày:* Nguồn gốc đất tranh chấp trước năm 1990 là đồi trọc, để thả trâu ăn cỏ, không canh tác gì trên đất. Đến năm 2000, ông Lộc Kim M trồng khoảng 1000 cây thông trên diện tích đất này, tuy nhiên còn sống khoảng 200 cây; đến năm 2008 - 2009 ông Lộc Kim M tiếp tục mua cây thông về trồng dặm khoảng 500 cây; năm 2015 tiếp tục mua thêm 200 cây thông về trồng dặm.

Đến tháng 4/2018, ông Hà Văn B (chồng bà Chu Thị P) lên chỗ ông M trồng cây chặt đi khoảng 150 cây thông của gia đình ông Lộc Kim M trồng năm 2015. Những cây thông to ông Lộc Kim M trồng năm 2000 bị ông Hà Văn B khoanh vỏ để thông chết khoảng 09 cây, chặt hạ xuống 15 cây, ông Hà Văn B tự ý đào rãnh để phân chia ranh giới theo đường phân thủy. Từ đó hai bên xảy ra tranh chấp, tháng 6/2018, Ủy ban nhân dân xã T tiến hành hòa giải nhưng không thành nay bà Chu Thị P khởi kiện yêu cầu được quản lý, sử dụng diện tích đất rừng đang tranh chấp, ông Lộc Kim M không đồng ý vì những cây thông này do ông M trồng và đã khai thác từ năm 2016 cho đến nay và yêu cầu ông Hà Văn B, bà Chu Thị P phải bồi thường 150 cây thông đã chặt. Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm ông Lộc Kim M không yêu cầu buộc ông Hà Văn B, bà Chu Thị P phải bồi thường 150 cây thông đã chặt phá, chỉ yêu cầu được tiếp tục quản lý, sử dụng các cây trồng trên đất tranh chấp.

*Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về phía bị đơn* gồm cụ Tô Viết T, (tức C), bà Nông Tuyết P, anh Lộc Văn N và anh Lộc Văn T đều thống nhất ý kiến với ông Lộc Kim M và không có ý kiến gì bổ sung.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác* gồm: Cụ Hà Thị P, ông Lã Văn B, bà Hà Thị V, bà Lã Thị H, anh Lã Văn T, anh Lã Văn T đều thống nhất ý kiến

cho rằng: Đất tranh chấp là của gia đình cụ Lã Văn P và cụ Hà Thị P đổi đất với bà Chu Thị P có bù thêm tiền, gia đình cụ lấy khu rừng T, rộng khoảng 01 ha của bà Chu Thị P, ông Hà Văn B; bà Chu Thị P, ông Hà Văn B lấy khu rừng Lọ N, xã của gia đình cụ Hà Thị P. Việc đổi đất cho bà Chu Thị P, gia đình ông Lã Văn B, bà Hà Thị V hoàn toàn tự nguyện và đồng ý, đến giờ vẫn không thay đổi ý kiến. Diện tích đất 3.014 m<sup>2</sup> thuộc thửa số 157 và thửa 166, tại địa danh rừng Lọ N, thôn C, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn thuộc quyền quản lý, sử dụng của bà Chu Thị P. Gia đình ông không đồng ý với ý kiến của bị đơn ông Lộc Kim M yêu cầu bà P trả đất vì diện tích đất này là của gia đình bà P.

*Người đại diện Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) xã T, huyện C, ông Hoàng Văn V - Chủ tịch trình bày:* Đối với các yêu cầu khởi kiện của bà Chu Thị P được quyền quản lý và sử dụng thửa số 157 và thửa 166, tờ bản đồ số 01, địa danh rừng Lọ N, thôn C, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, ông không đồng ý. Vì đối với thửa đất này thuộc đất rừng tự nhiên phòng hộ, người dân chỉ được quản lý và sử dụng không được chặt phá và không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đối với tài sản trên đất: Giữa bà Chu Thị P và ông Lộc Kim M nên thỏa thuận ranh giới quản lý, sử dụng. Việc khai thác các cây trên đất rừng phòng hộ được thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 26/02/2020, thể hiện:

1. Về đất tranh chấp có diện tích là 3.014,7m<sup>2</sup> (Trong đó có một phần thuộc thửa 157, diện tích 2.613,1m<sup>2</sup> và thửa 166, diện tích 401,6m<sup>2</sup>). Trị giá đất theo giá thị trường là 21.102.700 đồng (hai mươi một triệu một trăm linh hai nghìn bảy trăm đồng).

2. Tài sản trên đất, gồm có: 10 cây thông to, đường kính 30cm, ông Lộc Kim M và bà Chu Thị P thống nhất do ông Lộc Kim M trồng năm 2000; 03 cây bạch đàn đường kính 05cm; 44 cây thông đường kính 20 - 25cm và 150 cây thông đường kính 15cm; ông Lộc Kim M khai trồng năm 2007, bà Chu Thị P khai trồng năm 2008. Tổng giá trị tài sản tranh chấp là 16.890.000 đồng (mười sáu triệu tám trăm chín mươi nghìn đồng).

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2020/DS-ST ngày 30 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 160, 161, 163, 189, 357, 468 của Bộ luật dân sự; Điều 203 của Luật đất đai năm 2013; Điều 55, 73, 74, 76, 81 và Điều 102 Luật Lâm nghiệp năm 2017; khoản 9, Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 39; khoản 1, Điều 147; khoản 1, 2 Điều 157; khoản 1, 2 Điều 165; khoản 1, 2 Điều 228; Điều 244; Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ, Điều 12; khoản 4, Điều 26; khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Chu Thị P:**

1.1. Bà Chu Thị P có quyền quản lý, sử dụng, khai thác tổng số 207 cây bao gồm: 10 (mười) cây thông to đường kính 30cm; 03 (ba) cây bạch đàn đường

kính 05cm; 44 (bốn mươi bốn) cây thông đường kính 20 - 25cm và 150 (một trăm năm mươi) cây thông đường kính 15cm nằm trên diện tích đất rừng phòng hộ có các đỉnh thửa ABCDEFGHKL A, trong đó có một số cây nằm trên diện tích 401,6m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 166 và một số cây nằm trên diện tích 2.613,1m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa đất số 157, tờ bản đồ số 01, bản đồ Lâm nghiệp xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn đo vẽ năm 2008, tỷ lệ 1/10.000. Việc quản lý, sử dụng, khai thác cây trên diện tích đất trên phải theo quy định của Luật Lâm nghiệp năm 2017.

*(có mảnh trích đo địa chính số 16 - 2020 và bản sơ họa kèm theo bản án).*

1.2. Bà Chu Thị P có trách nhiệm bồi hoàn cho ông Lộc Kim M số tiền: 9.030.000đồng (chín triệu không trăm ba mươi nghìn đồng).

1.3. Buộc ông Lộc Kim M phải chấm dứt hành vi tranh chấp đối với số cây trên diện tích đất trên.

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của bà Chu Thị P yêu cầu Tòa án buộc ông Lộc Kim M trả lại toàn bộ diện tích đất tranh chấp thuộc một phần thửa số 157 và thửa 166 tổng diện tích là 3.014 m<sup>2</sup> theo kết quả xem xét thẩm định và định giá tài sản ngày 26/2/2020 và theo mảnh trích đo địa chính số 16- 2020 hệ tọa độ VN-2000, thôn C, xã T, huyện C được đo vẽ ngày 26/2/2020 của Công ty cổ phần tư vấn Tài nguyên số 01 Lạng Sơn.

3. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của bà Chu Thị P yêu cầu Tòa án buộc ông Lộc Kim M bồi thường việc nhổ 290 cây bạch đàn với số tiền là 1.370.000đồng (một triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng).

4. Về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng:

Nguyên đơn bà Chu Thị P phải chịu 15.275.113 đồng (mười lăm triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn một trăm mười ba đồng) chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản.

Bị đơn ông Lộc Kim M phải chịu 1.333.887 đồng (một triệu ba trăm ba mươi ba nghìn tám trăm tám mươi bảy đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản.

Nguyên đơn bà Chu Thị P đã thanh toán xong toàn bộ chi phí tố tụng là 16.609.000đồng (mười sáu triệu sáu trăm linh chín nghìn đồng).

Bị đơn ông Lộc Kim M phải trả cho nguyên đơn bà Chu Thị P 1.333.887 đồng (một triệu ba trăm ba mươi ba nghìn tám trăm tám mươi bảy đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí; tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Trong thời hạn luật định: Ngày 14/8/2020 ông Lộc Kim M nộp đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết công nhận toàn bộ tài sản trên đất tranh chấp thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông Lộc Kim M.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn ông Lộc Kim M giữ nguyên nội dung kháng cáo không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì cho rằng số cây trên đất do gia đình bị đơn trồng, quản lý, khai thác.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lộc Kim M đề nghị Hội đồng xét xử xem xét yêu cầu kháng cáo của ông Lộc Kim M để giải quyết bảo

vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lộc Kim M theo đúng quy định của pháp luật.

Nguyên đơn bà Chu Thị P và người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xét xem xét giải quyết chấp nhận yêu cầu tự nguyện của bà Chu Thị P về việc chỉ yêu cầu được quản lý, sử dụng khai thác tài sản tranh chấp thuộc thửa 157; đối với tài sản, cây trên đất tranh chấp thuộc thửa 166 giao cho ông Lộc Kim M quản lý, sử dụng và chấp nhận trả cho ông Lộc Kim M số tiền 9.030.000 đồng theo quyết định của bản án sơ thẩm đã giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng nghị án là đúng quy định của pháp luật. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Việc kháng cáo của bị đơn ông Lộc Kim M trong thời hạn luật định, căn cứ Điều 273, 274 Bộ luật tố tụng dân sự kháng cáo là hợp lệ. Qua phần hỏi, tranh luận công khai tại phiên tòa, lời khai nguyên đơn, bị đơn, người liên quan; tài liệu chứng kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản ngày 26/2/2020 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc xác định đất tranh chấp là đất rừng tự nhiên phòng hộ, diện tích 3.014m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa 157, một phần thửa 166, tờ bản đồ số 01, bản đồ địa chính xã T, huyện C, trên đất có tổng số 207 cây thông, cây bạch đàn trị giá là 16.890.000 đồng. Trong đó hai bên đương sự đều thống nhất 10 cây thông đường kính 30cm, tổng trị giá 1.170.000 đồng là do ông M trồng năm 2000, nên số cây này thuộc sở hữu của ông M; 197 cây còn lại cả bà P, ông M đều cho rằng mình trồng; thời điểm trồng hai bên đương sự khai gần tương tự nhau. Ngoài lời khai hai bên đương sự đều không có tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh mình là người trồng số cây này. Bản án sơ thẩm xử chia đôi, mỗi người được sở hữu 1/2 cây tương ứng với giá trị 7.860.000 đồng là đã hợp lý, đảm bảo tính công bằng. Xét thấy bà P là người sinh sống ở xã T, huyện C trong khu vực rừng phòng hộ, còn ông M là người sinh sống ở xã T, huyện C, số cây trên đất tranh chấp mọc xen kẽ nhau không thành hàng lối, để hai bên không tiếp tục xảy ra tranh chấp Bản án sơ thẩm xử giao toàn bộ 207 cây trên đất tranh chấp cho bà P quản lý sử dụng và phải thanh toán giá trị cây cho ông M là phù hợp, đúng quy định. Kháng cáo của ông M yêu cầu quản lý sử dụng toàn bộ cây trên đất tranh chấp là không có căn cứ, cơ sở chấp nhận.

Tuy nhiên tại phiên tòa bà P trình bày tự nguyện để ông M quản lý sử dụng khai thác toàn bộ cây trên thửa 166, tờ bản đồ số 01 và không yêu cầu ông bồi hoàn bằng tiền, xét thấy bà P tự nguyện, không bị ép buộc nên cần ghi nhận;

Về án phí dân sự phúc thẩm ông Lộc Kim M được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích đánh giá trên. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng khoản 2, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 04/2020/DS-ST ngày 30/6/2020 của

Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn theo hướng ghi nhận sự tự nguyện của bà P.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Ông Hà Văn B, chị Hà Thị Y, chị Hà Thị N, chị Hà Thị H và anh Hà Văn T đã ủy quyền cho bà Chu Thị P có mặt tại phiên tòa; cụ Tô Viết T, (tức C), bà Nông Tuyết P, anh Lộc Văn N đã ủy quyền cho ông Lộc Kim M có mặt tại phiên tòa; cụ Hà Thị P, ông Lã Văn B, bà Hà Thị V, bà Lã Thị H, anh Lã Văn T, anh Lã Văn T1 và anh Lộc Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1, 2, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên.

[2] Về quan hệ pháp luật: Xét nội dung kháng cáo của ông Lộc Kim M yêu cầu được quản lý, sử dụng và khai thác các cây trồng trên đất. Hội đồng xét xử xét thấy: Nguồn gốc đất đất tranh chấp theo kết quả xem xét thẩm định ngày 26/02/2020 thuộc một phần thửa số 157 và thửa 166, tờ bản đồ số 01, tổng diện tích là 3.014 m<sup>2</sup>; trên đất tranh chấp 10 (mười) cây thông to đường kính 30 cm; 03 (ba) cây bạch đàn đường kính 05 cm; 44 (bốn mươi bốn) cây thông đường kính 20 - 25cm và 150 (một trăm năm mươi) cây thông đường kính 15cm.

[3] Theo Quyết định số: 1295/QĐ-UBND, ngày 19/8/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn đất tranh chấp thuộc thửa số 157 và thửa 166, tờ bản đồ số 01; địa danh: Rừng Lọ N, thôn C, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn thuộc đất rừng tự nhiên phòng hộ, do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn quản lý.

[4] Trong quá trình thụ lý giải quyết tại cấp sơ thẩm: Ngày 25/6/2020, Chu Thị P đã có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với diện tích đất tranh chấp 3.014m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa số 157 và một phần thửa 166 và không yêu cầu ông Lộc Kim M bồi thường 290 cây bạch đàn đã nhỏ. Hội đồng xét xử xét thấy cấp sơ thẩm giải quyết đình chỉ xét xử đối với 02 yêu cầu khởi kiện này là đúng.

[5] Đối với yêu cầu của ông Lộc Kim M yêu cầu bà Chu Thị P phải bồi thường 150 cây thông đã chặt. Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm tại biên bản hòa giải lần 2 ngày 29/6/2020 (BL 260), ông Lộc Kim M chưa yêu cầu ông Hà Văn B, bà Chu Thị P phải bồi thường 150 cây thông đã chặt phá và sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác, chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông Lộc Kim M được tiếp tục quản lý, sử dụng các cây trồng trên đất tranh chấp nên cấp sơ thẩm chưa giải quyết yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại 150 cây thông của ông Lộc Kim M là đúng.

[6] Đối với yêu cầu kháng cáo của ông Lộc Kim M kháng cáo yêu cầu được quyền quản lý, sử dụng và khai thác tài sản cây trên đất: 10 cây thông to đường kính 30cm ông Lộc Kim M và bà Chu Thị P thống nhất do ông Lộc Kim M trồng năm 2000; 03 cây bạch đàn đường kính 05cm; 44 cây thông đường kính 20 - 25cm và 150 cây thông đường kính 15cm; ông Lộc Kim M khai trồng năm 2007, bà Chu Thị P khai trồng năm 2008. Tổng giá trị tài sản tranh chấp là 16.890.000đồng (mười sáu triệu tám trăm chín mươi nghìn đồng). Như vậy, xác định tài sản trên đất tranh chấp liên quan

đến hai thửa đất 157 và 166, theo yêu cầu khởi kiện ban đầu của bà Chu Thị P khởi kiện yêu cầu được quản lý, sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa 157 nên khi xem xét thẩm định cấp sơ thẩm không đếm tách số cây trên thửa 157 và thửa 166 riêng ra để giải quyết yêu cầu của bà Chu Thị P, khi bà Chu Thị P rút yêu cầu đòi quản lý, sử dụng đất tranh chấp, cấp sơ thẩm giải quyết giao toàn bộ cây trồng trên đất tranh chấp thuộc thửa 157 và thửa 166 cho bà Chu Thị P quản lý, sử dụng là chưa đảm bảo được quyền lợi của các đương sự.

[7] Tại phiên tòa phúc thẩm bà Chu Thị P tự nguyện rút yêu cầu đòi quản lý, sử dụng tài sản, cây trồng trên thửa đất 166, chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà Chu Thị P tiếp tục được quản lý, sử dụng tài sản, các cây trồng trên thửa đất số 157 và tự nguyện bồi thường cho ông Lộc Kim M giá trị 10 cây thông được hưởng là 1.170.000đồng và 1/2 giá trị các cây còn lại được hưởng là 7.860.000đồng, tổng cộng 9.030.000đồng (chín triệu không trăm ba mươi nghìn đồng) theo quyết định của bản án dân sự sơ thẩm; không yêu cầu cấp phúc thẩm phải xem xét thẩm định lại các cây trồng trên thửa đất 166 và không buộc ông Lộc Kim M phải trừ phần giá trị cây trồng được hưởng lợi trên thửa 166. Hội đồng xét xử, xét thấy việc tự nguyện của bà Chu Thị P là phù hợp với quy định của pháp luật nên ghi nhận sự tự nguyện của bà Chu Thị P.

[8] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy cần sửa bản án dân sự sơ thẩm: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Chu Thị P, giao cho bà Chu Thị P được quyền quản lý, sử dụng, khai thác các loại cây trồng trên phần đất tranh chấp thuộc thửa đất 157; ông Lộc Kim M được quyền quản lý, sử dụng, khai thác các cây trồng trên phần đất tranh chấp thuộc thửa 166, tờ bản đồ số 01, bản đồ Lâm nghiệp xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn đo vẽ năm 2008; bà Chu Thị P có nghĩa vụ phải thanh toán cho ông Lộc Kim M số tiền 9.030.000đồng (chín triệu không trăm ba mươi nghìn đồng).

[9] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm, gồm: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Chu Thị P đối với yêu cầu khởi kiện buộc ông Lộc Kim M trả lại toàn bộ diện tích đất tranh chấp thuộc thửa số 157 và thửa 166 và yêu cầu buộc ông Lộc Kim M bồi thường việc nhổ 290 cây bạch đàn, do bà Chu Thị P rút yêu cầu khởi kiện; chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản; án phí sơ thẩm không có kháng cáo, không bị Viện kiểm sát kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết kháng cáo, kháng nghị.

[10] Về án phí phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên ông Lộc Kim M không phải chịu tiền án phí phúc thẩm và ông Lộc Kim M thuộc trường hợp người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn. Căn cứ điểm đ, khoản 1 Điều 12, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Ủy ban Thường vụ Quốc hội ông Lộc Kim M được miễn toàn bộ án phí.

[11] Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với ý kiến của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308; khoản 1 Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Không chấp nhận kháng cáo của ông Lộc Kim M; sửa một phần Bản



án dân sự sơ thẩm số 02/2020/DS-ST ngày 30 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn; cụ thể:

Căn cứ vào Điều 160, 161, 163, 189, 357, 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Điều 203 của Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ vào Điều 55, 73, 74, 76, 81 và Điều 102 Luật Lâm nghiệp năm 2017;

Căn cứ vào khoản 9, Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 39; khoản 1, Điều 147; khoản 1 Điều 148; khoản 1, 2, Điều 157; khoản 1, 2, Điều 165; khoản 1, 2, Điều 228; Điều 244; của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm đ, Điều 12; khoản 4, Điều 26; khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Chu Thị P, cụ thể:**

**1.1.** Ghi nhận sự tự nguyện của bà Chu Thị P được quyền quản lý, sử dụng, khai thác toàn bộ tài sản, cây trồng trên đất rừng phong hộ ký hiệu ABCDGHKLA thuộc một phần thửa đất số 157 tờ bản đồ số 01, bản đồ Lâm nghiệp xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn đo vẽ năm 2008. Việc khai thác, quản lý, sử dụng rừng phòng hộ phải được thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ rừng phòng hộ.

*(có mảnh trích đo địa chính số 16 - 2020 và bản sơ họa kèm theo bản án).*

**1.2.** Ghi nhận sự tự nguyện của bà Chu Thị P có nghĩa vụ phải trả cho ông Lộc Kim M số tiền: 9.030.000đồng (chín triệu không trăm ba mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày ông Lộc Kim M có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, nếu bà Chu Thị P chậm trả tiền thì hàng tháng còn phải chịu lãi xuất đối với số tiền chậm trả, lãi xuất phát sinh do chậm trả được thực hiện theo quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

**2.** Ông Lộc Kim M được quyền khai thác, quản lý, sử dụng toàn bộ tài sản, cây trồng trên đất rừng phong hộ ký hiệu DEFGD thuộc một phần thửa đất số 166 tờ bản đồ số 01, bản đồ Lâm nghiệp xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn đo vẽ năm 2008. Việc khai thác, quản lý, sử dụng rừng phòng hộ phải được thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ rừng phòng hộ.

*(có mảnh trích đo địa chính số 16 - 2020 và bản sơ họa kèm theo bản án).*

**3.** Buộc bà Chu Thị P và ông Lộc Kim M phải chấm dứt hành vi tranh chấp đối với tài sản, cây trồng trên diện tích đất tranh chấp thuộc thửa 157 và thửa 166 nêu trên.

**4.** Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lộc Kim M không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

**5.** Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm, gồm: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Chu Thị P đối với yêu cầu khởi kiện buộc ông Lộc Kim M trả lại toàn bộ diện tích đất tranh chấp thuộc thửa số 157 và thửa 166 và yêu cầu buộc ông Lộc Kim M bồi thường việc nhổ 290 cây bạch đàn, do bà Chu Thị P rút yêu cầu khởi kiện; chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản; án phí sơ thẩm không có kháng cáo, không bị Viện kiểm sát kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./

***Nơi nhận:***

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Tổ HCTP; Phòng KTNV&THA;
- TAND huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- CC THADS huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Người BVQVLIHP của đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hồ Đức Châm**